

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ RIỀNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/DS-ST
Ngày: 23 - 8 - 2019
V/v: “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Tấn Trường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Văn Khách

Ông Phạm Văn Khuyến

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Giáp – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 74/2019/TLST-DS ngày 23 tháng 4 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2019/QĐXXST-DS ngày 19/7/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2019/QĐST-DS ngày 05/8/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Lê Thị D**, sinh năm 1962 (có mặt)

- *Bị đơn:* Bà **Phạm Thị Thương M**, sinh năm 1973; (vắng mặt)

Anh **Phạm Minh Ch**, sinh năm 1996 (vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Phạm Văn Ch, sinh năm 1961 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày:* Do có mối quan hệ quen biết nên ngày 04/4/2019, bà Lê Thị D có cho bà Phạm Thị Thương M và anh Phạm Minh Ch (anh Ch là con của

bà M) vay số tiền 260.000.000 đồng (hai trăm sáu mươi triệu đồng) để đáo hạn tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh PL. Việc cho vay có làm giấy vay tiền viết tay, có chữ ký của bà M và anh Ch. Thời hạn vay là 06 ngày, từ ngày 04/4/2019 đến ngày 10/4/2019. Lãi suất hai bên thỏa thuận miệng là 1%/tháng. Tuy nhiên đến thời hạn trả nợ thì bà M và anh Ch không trả. Mặc dù bà D nhiều lần yêu cầu nhưng bà M, anh Ch đều tìm cách né tránh không trả.

Nay bà D khởi kiện yêu cầu bà M và anh Ch trả cho bà D số tiền 260.000.000 đồng (hai trăm sáu mươi triệu đồng), không yêu cầu tính lãi suất. Ngày 05/6/2019, bà D có đơn bổ sung đòi nợ theo đó bà D yêu cầu ông Phạm Văn Ch (chồng bà M) liên đới trả số tiền vay trên vì cho rằng ông Ch biết, đồng ý và không có ý kiến gì về việc bà M và anh Ch vay tiền của bà. Tuy nhiên tại biên bản lấy lời khai ngày 24/6/2019, bà D thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu bà M và anh Ch trả nợ mà không yêu cầu ông Ch có trách nhiệm liên đới trả nợ.

- *Bị đơn bà Phạm Thị Thương M, anh Phạm Minh Ch; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn Ch trình bày:* Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Phạm Thị Thương M, ông Phạm Minh Ch, ông Phạm Văn Ch đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày, ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bà M, anh Ch hoàn trả số tiền đã vay ngày 04/4/2019 là 260.000.000đ.

- *Kiểm sát viên trình bày quan điểm tại phiên tòa:*

+ *Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

+ *Về nội dung vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị D, buộc bị đơn bà Phạm Thị Thương M, anh Phạm Minh Ch có trách nhiệm hoàn trả số tiền 260.000.000 đồng (hai trăm sáu mươi triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Lê Thị D khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Phạm Thị Thương M, anh Phạm Minh Ch hoàn trả số tiền vay là 260.000.000 đồng (hai trăm sáu mươi triệu đồng). Căn cứ Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Bị đơn bà Phạm Thị Thương M, anh Phạm Minh Ch có đăng ký thường trú và sinh sống tại thôn T, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Phạm Thị Thương M, anh Phạm Minh Ch, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn Ch đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng, căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Phạm Thị Thương M, anh Phạm Minh Ch và ông Phạm Văn Ch.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét nội dung Giấy vay tiền ngày 04/4/2019 do bà Lê Thị D với bà Phạm Thị Thương M, anh Phạm Minh Ch xác lập trên cơ sở tự nguyện, có nội dung phù hợp pháp luật và không trái đạo đức xã hội, căn cứ theo đúng quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử nhận định đây là hợp đồng hợp pháp là căn cứ để giải quyết về quyền và nghĩa vụ của các bên.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà D về việc buộc bà M và anh Ch hoàn trả số tiền 260.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất, thấy rằng:

Việc đến thời hạn trả nợ là ngày 10/4/2019, bà M và anh Ch không hoàn trả tiền cho bà D đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, làm cho quyền lợi của bà D bị xâm phạm. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà M và anh Ch vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án bất cứ tài liệu, chứng cứ nào có liên quan đến vụ án hoặc văn bản phản đối yêu cầu khởi kiện của bà D. Căn cứ Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Xét về trách nhiệm liên đới của ông Phạm Văn Ch, thấy rằng: Ngày 05/6/2019, bà D có đơn bổ sung yêu cầu ông Phạm Văn Ch (chồng bà M) có trách nhiệm liên đới cùng bà M, anh Ch hoàn trả số tiền vay 260.000.000đ. Tuy nhiên, tại biên bản lấy lời khai ngày 24/6/2019 cũng như tại phiên tòa bà D không yêu cầu ông Ch có trách nhiệm liên đới trả nợ cùng bà M, anh Ch, việc thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện của bà D là tự nguyện. Mặt khác, theo giấy vay tiền ngày

04/4/2019 ông Ch không tham gia ký kết, số tiền bà M, anh Ch vay nhằm mục đích thanh toán nợ vay tại Ngân hàng của anh Ch. Do đó, ông Ch không có trách nhiệm trả nợ cùng bà M, anh Ch.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Phạm Thị Thương M và anh Phạm Minh Ch phải chịu số tiền án phí 13.000.000đ. Hoàn trả cho nguyên đơn bà Lê Thị D được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 227, 235, Điều 266; Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị D;

Buộc bà Phạm Thị Thương M và anh Phạm Minh Ch có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho bà Lê Thị D số tiền 260.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng bên có nghĩa vụ phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Phạm Thị Thương M và anh Phạm Minh Ch liên đới phải chịu 13.000.000 đồng (Mười ba triệu đồng).

Hoàn trả cho bà Lê Thị D số tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.500.000đ (Sáu triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 027012, quyển số 0541, ngày 23/4/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bình Phước.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong

thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Đỗ Tấn Trường